

Số: *1036*/BVNTTW

Hà Nội, ngày *22* tháng 7 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Nội tiết Trung ương có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm hóa chất khử khuẩn và hoá chất khác năm 2025-2027, nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nội tiết Trung ương. Địa chỉ: Đường Nguyễn Bô - phường Yên Sở - TP.Hà Nội.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Họ và tên: Phạm Thị Phương, Chuyên viên phòng VTTBYT;
Số điện thoại: 0984704354; Email: vttbyt.bvnttw@gmail.com
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng 4403 - Phòng Vật tư thiết bị y tế, Bệnh viện Nội tiết Trung ương. Đường Nguyễn Bô - phường Yên Sở - TP.Hà Nội.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 10 giờ 00 phút ngày 22/7/2025 đến 15 giờ 00 phút ngày 01/8/2025.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 01/8/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hóa:

(Danh mục hàng hóa chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Nội tiết Trung ương. Địa chỉ: Trụ sở: Đường Nguyễn Bô - phường Yên Sở - TP.Hà Nội và Số 80 ngõ 82 – phường Đống Đa – TP.Hà Nội.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Yêu cầu về hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:



- Báo giá (Theo mẫu tại Phụ lục 02 đính kèm.)
- Catalog, hợp đồng tương tự (nếu có), tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật hàng hóa và các tài liệu liên quan.

Rất mong được sự hợp tác của Quý vị.
Trân trọng ./.

- Nơi nhận:* ~~_____~~
- Như trên;
- Lưu: VT, VTTBYT.

Y
BỆNH VIỆN
NỘI TIẾT
TRUNG JONG
GIÁM ĐỐC
[Handwritten Signature]
Phan Hoàng Hiệp

Y
BỆNH VIỆN
NỘI TIẾT
TRUNG JONG

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC HÓA CHẤT KHỬ KHUẨN VÀ HOÁ CHẤT KHÁC NĂM 2025 - 2027
 (Kèm theo Yêu cầu bảo giá số 1036 /BVNTTW ngày 22 tháng 7 năm 2025)



TT	Tên hàng hoá	Quy cách đóng gói (hoặc tương đương)	TRUNG ƯƠNG ĐVT	Số lượng	Đặc tính, thông số kỹ thuật
I	Hoá chất vi sinh				
1	Môi trường nuôi cấy Columbia Agar + 5%Sheep Blood	Hộp 10 đĩa	Đĩa	7.930	Môi trường giàu dinh dưỡng để nuôi cấy các loại vi sinh vật khó tính và không khó tính.
2	Môi trường nuôi cấy Chromogenic UTI Agar	Hộp 10 đĩa	Đĩa	7.150	Môi trường tạo màu nhằm chẩn đoán nhận biết và phân biệt tất cả các vi sinh vật chính là nguyên nhân gây nên bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu (UTI).
3	Môi trường nuôi cấy MacConkey Agar	Hộp 10 đĩa	Đĩa	1.300	Môi trường phân lập và phân biệt cho phát hiện các vi khuẩn Enterobacteriaceae trong các mẫu vật có nguồn gốc lâm sàng.
4	Môi trường nuôi cấy Chocolate Agar+Multi Vitox	Hộp 10 đĩa	Đĩa	1.300	Môi trường giàu dinh dưỡng để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc họ Neisseria spp, Haemophilus.
5	Môi trường nuôi cấy Sabouraud Dextrose Agar	Hộp 10 đĩa	Đĩa	300	Môi trường thúc đẩy phát triển của các loài nấm đồng thời ức chế sự sinh trưởng và phát triển của các vi khuẩn khác trong mẫu bệnh phẩm.
6	Môi trường nuôi cấy Hektoen Enteric Agar	Hộp 10 đĩa	Đĩa	680	Môi trường để nuôi cấy, phân lập các mầm bệnh vi khuẩn Gram âm đường ruột.
7	Môi trường nuôi cấy BHI Broth	Hộp 10 ống	Ống	780	Ống nhựa chứa 5ml môi trường lỏng dinh dưỡng cao dùng để nuôi cấy các loại vi sinh vật kể cả vi sinh vật khó tính.
8	Bộ nhuộm gram	Bộ 4 chai 250ml	Bộ	24	Được sử dụng để nhuộm vi sinh vật từ mẫu nuôi cấy hoặc mẫu bệnh phẩm theo phương pháp nhuộm Gram. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet, Lugol, Decolor và Safranin.
9	Bộ nhuộm Ziehl neelsen	Bộ 3 chai 250ml	Bộ	19	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi (chuẩn đoán invitro, phục vụ mục đích nghiên cứu vi khuẩn học). Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbol Fuchsin, Hydrochloric acid in ethanol và Methylen Blue.
10	Môi trường nuôi cấy Mueller Hinton Agar	Hộp 10 đĩa	Đĩa	810	Là môi trường thường dùng để kiểm tra sự nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn không khó mọc.
11	Môi trường nuôi cấy Mueller Hinton Agar + 5%Sheep Blood	Hộp 10 đĩa	Đĩa	500	Là môi trường thường dùng để thực hiện thao tác kháng sinh đồ trong lâm sàng, được đề xuất bởi CLSI cho kiểm tra sự nhạy cảm với kháng sinh của vi sinh vật khó mọc.
12	CRYO- BEADS (Ống môi trường bảo quản chủng vi sinh vật)	64 ống/ hộp	Ống	192	Ống môi trường bảo quản chủng vi sinh vật. Hộp 64 ống, mỗi ống chứa 25 hạt có thể kết dính các vi sinh vật và dung dịch bảo quản lạnh ưu trương. Đạt tiêu chuẩn ISO.
13	Test nhanh Dengue virus NS1Ag	Hộp 25 test	Test	5.000	- Phát hiện các kháng nguyên NS1 của vi rút Dengue trong huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu máu toàn phần người

TT	Tên hàng hoá	Quy cách đóng gói (hoặc trưng đương)	ĐVT	Số lượng	Đặc tính, thông số kỹ thuật
14	Test nhanh Dengue virus IgG/IgM	Hộp 25 test	Test	5.000	- Phát hiện định tính và phân biệt các kháng thể IgM/IgG chống lại vi rút sốt xuất huyết trong huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu máu toàn phần người.
15	Test nhanh Influenza A/B	Hộp 25 test	Test	5.000	- Phát hiện nhiễm cúm từ mẫu tăm bông mũi, tăm bông ty hầu hoặc mẫu hút/rửa dịch ty hầu, xác định sự tồn tại của vi rút cúm týp A và týp B.
16	Test nhanh chẩn đoán sớm sốt xuất huyết (phát hiện đồng thời kháng nguyên NS1 & kháng thể IgG/IgM kháng Dengue)	Hộp 25 test	Test	2.500	- Phát hiện kháng nguyên, kháng thể IgM/IgG chống lại vi rút sốt xuất huyết trong huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu máu toàn phần người.
17	Test nhanh chẩn đoán covid	Hộp 25 test	Test	2.000	Khay thử định tính phát hiện kháng nguyên protein nucleocapsid từ SARS-CoV-2 trong mẫu ngoáy dịch ty hầu của người. Thành phần gồm: Khay thử; ống đệm chiết mẫu; que chứng âm, chứng dương; que lấy mẫu vô trùng.
18	Thanh thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng vi khuẩn Treponema pallium (giang mai)	100 test/ hộp	Test	1.000	- Phát hiện kháng thể kháng Treponema pallidum trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. - Độ nhạy: $\geq 92\%$; Độ đặc hiệu: 100% - Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 24 giờ - Không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm (chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương - Thẻ tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương/máu toàn phần: 50 μ L - Nhiệt độ bảo quản: 2 – 30 °C - Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn châu Âu EN ISO 13485.
19	Canh trường định danh Tube ID Broth	4.5mL/ống x 100 ống	Ống	6.300	Thành phần (công thức trên 1 Lít nước tinh khiết): 7.5g Potassium chloride, 0.5g Calcium chloride, 0.895g Tricine glycine, Polysorbate 80 0.025%; Bảo quản ở 2-25°C Thể tích mỗi ống: 4.5ml.
20	Canh trường kháng sinh đồ Tube AST Broth	8 mL/ống x 100 ống	Ống	8.300	Thành phần: (công thức trên 1 Lít nước tinh khiết): 22g Canh trường Mueller Hinton, Polysorbate 80 0.01%. Bảo quản ở 2-25°C Thể tích mỗi ống: 8ml.
21	Chỉ thị kháng sinh đồ AST Indicator	6mL/lọ x 10 lọ/hộp	Lọ	75	Chỉ thị kháng sinh đồ cho vi khuẩn gram âm, gram dương, được đóng gói riêng. - Thành phần: (công thức trên 1 Lít nước tinh khiết): Redox indicator <3g, Redox stabilizers <20g). Bảo quản ở 2-8°C Thể tích mỗi lọ: 6ml.

TT	Tên hàng hoá	Quy cách đóng gói (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng	Đặc tính, thông số kỹ thuật
22	PANEL PMIC/ID	25 panel/hộp	Panel	1.950	Dùng để định danh và thử nghiệm độ nhạy cảm của hầu hết các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy nghi
23	PANEL NMIC/ID	25 panel/hộp	Panel	2.350	Dùng để định danh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy nghi.
24	PANEL PMIC	25 panel/hộp	Panel	500	Dùng để định danh và thử nghiệm độ nhạy cảm của hầu hết các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy nghi
25	Panel SMIC/ID	25 panel/hộp	Panel	150	Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loài vi khuẩn Streptococcus.
26	Tube AST-S Broth SP 100	8 mL/ ống x 100 ống/hộp	Ống	200	Canh trường kháng sinh đồ cho vi khuẩn Streptococcus. Thể tích mỗi ống: 8ml.
27	AST-S Indicator	6mL/lọ x 10 lọ/hộp	Lọ	10	Chỉ thị kháng sinh đồ cho vi khuẩn Streptococcus Thể tích mỗi lọ: 6ml.
28	PANEL NMIC	25 panel/hộp	Panel	500	Dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm của hầu hết các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy nghi.
29	Chai cấy máu hiếu khí	30ml x 20 chai/ Hộp	Chai	4.000	Dùng trong quy trình nuôi cấy và phục hồi vi sinh vật hiếu khí từ mẫu máu
30	Chai cấy máu kỵ khí	40ml x 20 chai/ Hộp	Chai	4.000	Dùng trong quy trình nuôi cấy và phục hồi vi sinh vật kỵ khí từ mẫu máu
33	Chai cấy máu hiếu khí	30mL/chai x 50 chai/hộp	Chai	3.500	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng trong quy trình nuôi cấy và phục hồi hiếu khí các vi sinh vật từ mẫu máu. - Thành phần môi trường tối thiểu có nước đã qua xử lý, Soybean-Casein Digest, Cao nấm men, Amino axit, Đường, Sodium Polyanetholsulfonate (SPS), Vitamins, Chất oxi hóa/ Khử, Nonionic Adsorbing Resin, Cationic Exchange Resin, có bổ sung thêm CO2. - Bảo quản ở 2 - 25°C. - Chai có một cảm biến hoá học được theo dõi bởi máy cấy máu sau mỗi 10 phút để phát hiện sự gia tăng của huỳnh quang. - Sử dụng tương thích trên hệ thống Bactec FX40
34	Chai cấy máu kỵ khí	40mL/chai x 50 chai/hộp	Chai	3.500	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng trong quy trình nuôi cấy và phục hồi vi sinh vật kỵ khí từ mẫu máu. - Thành phần môi trường tối thiểu có nước đã qua xử lý, Soybean-Casein Digest, Cao nấm men, Thành phần Mô Động vật, Dextrose, Hemin, Menadione, Sodium Citrate, Thiols, Sodium Pyruvate, Saponin, Chất chống tạo bọt, Sodium Polyanetholsulfonate (SPS), có bổ sung thêm CO2 và N2. - Bảo quản ở 2 - 25°C. - Chai có một cảm biến hoá học được theo dõi bởi máy cấy máu sau mỗi 10 phút để phát hiện sự gia tăng của huỳnh quang. - Sử dụng tương thích trên hệ thống Bactec FX40

TT	Tên hàng hoá	Quy cách đóng gói (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng	Đặc tính, thông số kỹ thuật
35	Kovacs reagent	25ml x 1 lọ/hộp	Hộp	5	Hóa chất phát hiện tạo indole từ tryptophan chứa Dimethylamino-4-benzaldehyde, Hydrochloric acid, Amyl alcohol. Đạt tiêu chuẩn ISO.
36	OXIDASE	50 khoan/hộp	Hộp	5	Hóa chất phát hiện khả năng sinh enzyme cytochrome coxidase của vi khuẩn.
37	Optochin Discs	50 khoan/hộp	Hộp	5	Hóa chất dùng trong định danh vi khuẩn Streptococcus pneumonie với các Streptococcus khác
38	Yếu tố X+V factor discs	50 khoan/hộp	Hộp	5	Hóa chất để xác định yêu cầu dinh dưỡng đặc hiệu của chủng Haemophilus spp... dựa trên khả năng phát triển quanh các khoan giấy chứa yếu tố X (hemin), V (NAD) hoặc cả X+V
39	Yếu tố X factor discs	50 khoan/hộp	Hộp	5	Hóa chất chứa yếu tố X (hemin) được sử dụng trong định danh vi khuẩn Haemophilus spp
40	Yếu tố V factor discs	50 khoan/hộp	Hộp	5	Hóa chất chứa yếu tố V (NAD) của vi khuẩn nghi ngờ là Haemophilus spp
41	Khoanh BACITRACIN Discs (o.i.u)	50 khoan/hộp	Hộp	5	Khoanh giấy chứa kháng sinh Bacitracin, thường được dùng để phân biệt vi khuẩn, đặc biệt là giữa Streptococcus nhóm A và các nhóm khác
42	Chủng chuẩn Escherichia coli ATCC 25922	5 lớp/hộp	Hộp	2	Chủng chuẩn làm QC
43	Chủng chuẩn Staphylococcus aureus ATCC 29213	5 lớp/hộp	Hộp	2	Chủng chuẩn làm QC
44	Chủng Haemophilus influenzae ATCC 10211	5 lớp/hộp	Hộp	2	Chủng chuẩn làm QC
45	Chủng Pseudomonas aeruginosa ATCC 27853	5 lớp/hộp	Hộp	2	Chủng chuẩn làm QC
46	Chủng Enterococcus faecalis ATCC 29212	5 lớp/hộp	Hộp	2	Chủng chuẩn làm QC
47	KOH	500g/hộp	Hộp	1	Xét nghiệm nấm da
II	Hoá chất Huyết học - truyền máu				
48	Hoá chất định danh nhóm máu A	10 ml	Lọ	200	- Hiệu giá kháng thể ≥ 256 /định nhóm máu bằng phương pháp ống nghiệm - Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-A kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A500100 1,0ml. ISO-13485
49	Hoá chất định danh nhóm máu B	10 ml	Lọ	200	- Hiệu giá kháng thể ≥ 256 /định nhóm máu bằng phương pháp ống nghiệm - Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-B kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) B501100 1,0ml. ISO-13485

TT	Tên hàng hoá	Quy cách đóng gói (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng	Đặc tính, thông số kỹ thuật
50	Hoá chất định danh nhóm máu AB	10 ml	Lọ	200	- Hiệu giá kháng thể ≥ 256 /định nhóm máu bằng phương pháp ống nghiệm - Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-AB kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A-5E10; B-2D7 1,0ml. ISO-13485
51	Hoá chất định danh nhóm máu D	10 ml	Lọ	107	- Hiệu giá kháng thể ≥ 256 /định nhóm máu bằng phương pháp ống nghiệm - Kháng thể đơn dòng có dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-D BS225 1,0ml. ISO-13485
52	Hồng cầu mẫu	Bộ 3 lọ x 10ml	Lọ	900	- Sử dụng để định nhóm máu ABO theo phương pháp ống nghiệm thủ công - Đối chiếu kết quả định nhóm bằng kháng huyết thanh - Thành phần: Bao gồm ba lọ hồng cầu mẫu của ba nhóm máu sau: nhóm A, nhóm B, nhóm O. - Tỷ lệ huyết treo: 5% hồng cầu treo trong dung dịch bảo quản (thường là dung dịch bảo quản và nuôi dưỡng hồng cầu Alsever) - Thể tích mỗi lọ: 10ml
53	Panel hồng cầu sàng lọc kháng thể bất thường	Bộ 3 lọ x 10ml	Lọ	90	- Sàng lọc các kháng thể bất thường ngoài hệ ABO. - Gồm 3 lọ hồng cầu mẫu nhóm máu O (O1, O2, O3); nồng độ 5% - Dùng trong kiểm tra an toàn truyền máu - Có chứa kiểu hình hồng cầu đại diện phổ biến ở người Châu Á - Thể tích mỗi lọ: 10ml
54	Hóa chất định danh Anti-Human Globulin	1 x 10ml	Lọ	5	- Hiệu giá kháng thể ≥ 256 /xét nghiệm Coombs - Huyết thanh chẩn đoán Spectrum Anti-Human Globulin để phát hiện in- vitro của lớp phủ kháng thể ở hồng cầu người. ISO-13485
55	Dung dịch hỗ trợ phản ứng Bovine Serum Albumin 22% solution	1x10 ml/lọ	Lọ	5	- Hàm lượng protein: 28-32% - Dung môi: Dung dịch NaCl 0.85% - Chất bảo quản: 0.1% sodium azide - pH (25°C): 6,4 – 7,4 - Ứng dụng: Phù hợp cho các xét nghiệm hòa hợp truyền máu, test Coombs
56	ANTI-D IgG	10 ml	Lọ	4	- Hiệu giá kháng thể ≥ 256 /xét nghiệm Coombs - Huyết thanh định tính kháng nguyên D trong tế bào máu của người (IVD)
57	Xanh cressyl bão hòa	100ml/lọ	Lọ	3	Nhuộm hồng cầu lưới phương pháp thủ công
58	Dầu soi kính hiển vi	500 ml/lọ	Lọ	3	Dầu trong suốt có chiết suất cao, làm giảm đáng kể sự tán xạ ánh sáng do đó làm tăng độ phân giải của hình ảnh
III	Hoá chất giải phẫu bệnh - tế bào				

TT	Tên hàng hoá	Quy cách đóng gói (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng	Đặc tính, thông số kỹ thuật
59	Gel cắt lạnh bệnh phẩm	Chai 118ml	ml	3.689	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất dạng lỏng nhớt, màu trong đến vàng nhạt, mùi còn nhẹ, tan trong nước. Sử dụng cho sự chuẩn bị các mẫu bệnh phẩm đông lạnh - Thành phần gồm có: <ul style="list-style-type: none"> - Polyvinyl Alcohol: 5-15% - Polyethylene Glycol: 1-10% - Các thành phần không gây kích ứng: 75-95%
60	Cồn tuyệt đối	Chai 1 lít	Lít	4.500	Hàm lượng Ethanol $\geq 99\%$ (tt/tt), đạt TCCS.
61	Xylen	Can 3.8L	Lít	1.500	<ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng: Xylene là tác nhân làm sạch - Tính chất vật lý: <ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch lỏng, không màu, mùi Hydrocarbon - Tốc độ bay hơi: 0,8 - Độ nhớt: $< 0,9 \text{ mm}^2/\text{s}$ - Thành phần gồm có: <ul style="list-style-type: none"> - Xylenes (o-, m-, p- isomers): 80-95% - Ethylbenzene: 5-20%
62	Sáp Paraffin (Paraffin wax)	Túi 2kg	Kg	600	<ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng: Sáp Paraffin siêu tinh khiết với các chất phụ gia để tăng cường khả năng thẩm thấu, tạo độ đàn hồi và giúp cắt mẫu dễ dàng. - Tính chất vật lý: <ul style="list-style-type: none"> - Trạng thái vật lý: Rắn - Màu sắc: Trắng (Rõ ràng ở trạng thái nóng chảy) - Mùi: Hydrocarbon nhẹ - Điểm đóng băng/Điểm nóng chảy: $54.4 - 57.2^\circ\text{C}$ - Điểm chớp cháy: $\geq 210^\circ\text{C}$ - Thành phần gồm có: Sáp paraffin tinh khiết và sáp Hydrocarbon, Benzen, ethenyl-, polymer với 1-methylethenyl) benzen, hydro hóa
63	Keo gắn lamên lên lam kính	Chai 118ml	ml	6.000	<p>Hóa chất dùng để gắn tiêu bản, mau khô, độ nhớt thấp, giảm bọt khí; gốc dung môi toluen. Hòa tan trong Xylene, Toluene và hầu hết các chất thay thế xylene. Dạng chất lỏng, không màu, mùi đặc trưng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ trọng: 0.941 g/cm^3 - Điểm sôi và Phạm vi sôi: $111^\circ\text{C} - 347^\circ\text{C}$ - Điểm chớp cháy: 4.4°C - Tan hạn chế trong nước - Thành phần gồm có: <ul style="list-style-type: none"> - Toluene: 50-75% - Nhựa Acrylic: 25-50% - Butylated hydroxytoluene: 1.0-2.5%

TT	Tên hàng hoá	Quy cách đóng gói (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng	Đặc tính, thông số kỹ thuật
64	Formaldehyde đậm trung tính 10% pha sẵn	Can 3.8L	Lít	6.000	<ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng: Formalin đậm trung tính 10% NBF là chất cố định mô học được sử dụng trong phòng thí nghiệm và chuẩn đoán Invi-tro - Tính chất vật lý: - Dung dịch dạng lỏng, trong, ko màu, có đặc trưng của Formaldehyde, tan hoàn toàn trong nước - Độ pH: 7.0 - Điểm chớp cháy: 85°C - Thành phần gồm có: Nước > 90%; Formaldehyde 3.5-4%; Methyl alcohol 1.0-1.5%; Sodium Phosphate, dibasic < 1; Sodium Phosphate, monobasic < 1%
65	Hematoxylin	Hộp 6 lọ A + 6 lọ B	Hộp	14	<ul style="list-style-type: none"> - Dạng bột hòa tan trong nước cất - Sử dụng để nhuộm thay thế được Hematoxyline Harris hoặc Gill - Màu nhuộm từ xanh thẫm đến xanh sáng - Thuốc nhuộm gồm 2 thành phần, pha phối hợp thành 1 lít dung dịch hematoxyline - Phần A gồm: muối nhôm ammonium sulfate: > 98% và muối Natri iot: 1-3% - Và phần B gồm: muối nhôm ammonium sulfate: 85 - 95% và hematoxyline: 5-10%
66	Giemsa	chai 1L	Lít	52	<ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng: Được sử dụng để nhuộm các mẫu máu và tủy xương, các phần paraffin và các mẫu tế bào lâm sàng. -Trạng thái: Lỏng - Khối lượng riêng: 0,99 g/cm³ (20°C) - Nhiệt độ sôi: > 65°C (1013 hPa) - pH: 6.0 - 8.2 (H₂O, 20°C) - Điểm sáng: 18°C - Nhiệt độ đánh lửa: 455°C - Thành phần gồm có Methanol: 30-50%; Diethylammonium chloride: 0.1-1%; Eosin G: 0.1-1%. - Sử dụng phương pháp nhuộm Giemsa truyền thống (Certificate có nhuộm tế bào dạng nhuộm đặc, nhuộm pha loãng)
67	Eosin	Hộp 6 lọ	Hộp	10	<ul style="list-style-type: none"> - Eosin dạng bột, màu đỏ sẫm - Thành phần gồm có: Monosodium phosphate: 25-30%; Sodium phosphate dibasic: 1-2%; Eosin-Y: 10-15%; Sucrose: 55-60%
68	HNO3	Chai 500ml	Chai	10	
69	HCL	Chai 500ml	Chai	10	

BÊN
NƠ

TT	Tên hàng hoá	Quy cách đóng gói (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng	Đặc tính, thông số kỹ thuật
71	Lithium carbonate	Lọ 250gram	Lọ	3	- Hóa chất dạng bột, màu trắng, ko mùi, sử dụng cho phòng thí nghiệm - Công thức phân tử: Li_2CO_3 - Khối lượng phân tử: 70,02 g/mol - Thành phần: $\text{Li}_2\text{CO}_3 \leq 100\%$ - pH 9,0 - 11,0 tại 1 g/l - Độ hòa tan trong nước: 8,4 g/l tại 20°C
72	Dung dịch nhuộm OG6	Chai 1 Lít	Lít	30	- Dung dịch nhuộm Papanicolaou OG-6, dạng lỏng, màu cam, mùi cồn tự nhiên, có thể hòa tan trong nước - Thành phần gồm có: - Ethyl Alcohol $\leq 85\%$; Nước 5%; Isopropyl Alcohol $\leq 4\%$; Methyl Alcohol $\leq 4\%$; Phosphotungstic Acid $< 5\%$; Orange G $< 2\%$
73	Dung dịch nhuộm EA50	Chai 1 Lít	Lít	30	- Dung dịch nhuộm Papanicolaou EA-50, dạng lỏng, màu xanh, mùi cồn tự nhiên, có thể hòa tan trong nước - Thành phần gồm có: - Ethyl Alcohol $\leq 85\%$; Nước 5%; Isopropyl Alcohol $\leq 4\%$; Methyl Alcohol $\leq 4\%$; Muối Eosin Y disodium $< 3\%$; Phosphotungstic Acid $< 5\%$; Fast Green FCF $< 3\%$
IV	Hoá mô miễn dịch tuyến giáp				
74	Kit kháng thể TTF1	3ml/lọ	Lọ	2	Kháng thể TTF-1 từ chuột được tinh chế từ huyết thanh và được điều chế trong 10mM PBS, pH 7,4, với 0,2% BSA và 0,09% sodim azide. Clone: SPT24 Chứng dương IHC: Phôi, tuyến giáp
75	Kit kháng thể Thyroglobulin	3ml/lọ	Lọ	2	Kháng thể Thyroglobulin từ thỏ được tinh chế từ huyết thanh và được điều chế trong 10mM PBS, pH 7,4, với 0,2% BSA và 0,09% sodim azide. Clone: EP250
76	Kit kháng thể Galectin-3	3ml/lọ	Lọ	2	Kháng thể Galectin 3 từ chuột được tinh chế từ huyết thanh và được điều chế trong 10mM PBS, pH 7,4, với 0,2% BSA và 0,09% sodim azide. Clone: B2C10
77	Kit kháng thể CK19	3ml/lọ	Lọ	2	Kháng thể CK19 từ chuột được tinh chế từ huyết thanh và được điều chế trong 10mM PBS, pH 7,4, với 0,2% BSA và 0,09% sodim azide. Clone: 123C3
78	Kit kháng thể Synaptophysin	3ml/lọ	Lọ	2	Kháng thể Synaptophysin từ thỏ được tinh chế từ huyết thanh và được điều chế trong 10mM PBS, pH 7,4, với 0,2% BSA và 0,09% sodim azide. Clone: EP158
79	Kit kháng thể Chromogranin	3ml/lọ	Lọ	2	Kháng thể Chromogranin A từ chuột được tinh chế từ huyết thanh và được điều chế trong 10mM PBS, pH 7,4, với 0,2% BSA và 0,09% sodim azide. Clone: LK2H10

TT	Tên hàng hoá	Quy cách đóng gói (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng	Đặc tính, thông số kỹ thuật
80	Kit kháng thể Calcitonin	3ml/lọ	Lọ	2	Kháng thể Calcitonin từ thỏ được tinh chế từ huyết thanh và được điều chế trong 10mM PBS, pH 7,4, với 0,2% BSA và 0,09% sodim azide. Clone: SP17
V	Hoá mô miễn dịch tuyến vú				
81	Kit kháng thể HER2	3ml/lọ	Lọ	2	Kháng thể C-erb2 từ thỏ được tinh chế từ huyết thanh và được điều chế trong 10mM PBS, pH 7,4, với 0,2% BSA và 0,09% sodim azide. Clone: SP3
82	Kit kháng thể Ki67	3ml/lọ	Lọ	4	Kháng thể đơn dòng kháng Ki67 của thỏ thu được từ quá trình nuôi cấy nổi trên bề mặt và được pha loãng trước trong dung dịch đệm tris có độ pH 7,4 chứa dung dịch sodium azide 0,375mM có tác dụng kìm khuẩn và diệt khuẩn. Clone: SP6
83	Kit kháng thể ER (Estrogen Receptor)	3ml/lọ	Lọ	2	Kháng thể ER từ thỏ được tinh chế từ huyết thanh và được điều chế trong 10mM PBS, pH 7,4, với 0,2% BSA và 0,09% sodim azide. Clone: SP1
84	Kit kháng thể PR (Progesterone Receptor)	3ml/lọ	Lọ	2	Kháng thể PR từ chuột được tinh chế từ huyết thanh và được điều chế trong 10mM PBS, pH 7,4, với 0,2% BSA và 0,09% sodim azide. Clone: 16
85	Kit kháng thể p63	3ml/lọ	Lọ	2	Kháng thể p63 từ chuột được tinh chế từ huyết thanh và được điều chế trong 10mM PBS, pH 7,4, với 0,2% BSA và 0,09% sodim azide. Clone: 4A4
86	Kit kháng thể E-cadherin	3ml/lọ	Lọ	2	Kháng thể E-Cadherin từ Chuột được tinh chế từ huyết thanh và được điều chế trong 10mM PBS, pH 7,4 với 0,2% BSA và 0,09% sodim azide. Clone: HECD-1
87	Kit kháng thể CK56	3ml/lọ	Lọ	2	Kháng thể Keratin CK5/6 từ thỏ được tinh chế từ huyết thanh và được điều chế trong 10mM PBS, pH 7,4 với 0,2% BSA và 0,09% sodim azide. Clone: EP67+EP24 Chứng dương IHC: Tuyến tiền liệt hoặc Amidan.
88	Kit kháng thể SMA	3ml/lọ	Lọ	2	Kháng thể SMA từ chuột được tinh chế từ huyết thanh và được điều chế trong 10mM PBS, pH 7,4 với 0,2% BSA và 0,09% sodim azide. Clone: 1A4 Chứng dương IHC: Nội mạc tử cung, đại tràng.

TT	Tên hàng hoá	Quy cách đóng gói (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng	Đặc tính, thông số kỹ thuật
89	Bộ kit nhuộm Hóa mô miễn dịch màu nâu	100 test/bộ	Bộ	4	Được thiết kế để sử dụng trong phòng thí nghiệm bệnh lý bằng các quy trình hóa mô miễn dịch của kháng thể đối với các kháng nguyên cụ thể trong các mô người được nhúng parafin cố định bằng formalin (FFPE). Bao gồm: - Peroxidase Blocking Reagent - Primary Antibodies Amplifier Master - Master Polymer Plus HRP - DAB Substrate Buffer - DAB Chromogen Concentrate - DAB Enhancer
90	Dung dịch bộc lộ kháng nguyên 1	1000ml/chai	Chai	2	- Peroxidase Blocking Reagent
91	Dung dịch bộc lộ kháng nguyên 2	1000ml/chai	Chai	2	- Primary Antibodies Amplifier Master
92	Dung dịch rửa tiêu bản	1000ml/chai	Chai	2	- Master Polymer Plus HRP
VI	Hoá chất sinh học phân tử				
93	Bộ thu mẫu HPV kèm môi trường vận chuyển	Hộp 10 bộ	Bộ	2.000	sản phẩm được thiết kế tối ưu cho việc thu mẫu HPV, vận chuyển mẫu mô cổ tử cung chứa HPV DNA, giúp bảo quản mẫu đến khi tiến hành xét nghiệm tầm soát HPV DNA
94	Dung dịch khử nhiễm bề mặt DNA/RNA	1 x 200ml	Chai	20	Loại bỏ và phân hủy hoàn toàn DNA, RNA và các enzym như DNase/RNase khỏi các bề mặt làm việc, thiết bị, pipet, bàn tay (với loại an toàn sinh học). Dung dịch dạng xịt, có khả năng bay hơi nhanh
VII	Hóa chất làm sạch, hoá chất khử khuẩn				
95	Dung dịch tẩy Protein dùng cho dụng cụ y tế	Can 5 lít	Lít	1.885	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ, Thành phần: 5 Enzyme hiệu suất cao 10% (Protease, Lipases, Amylases, Mannanase, Cellulase), đạt chứng chỉ ISO 13485
96	Dung dịch tẩy rửa, làm sạch dụng cụ y tế hoạt tính enzyme	Can 5 lít	Lít	70	- Dung dịch Enzyme tính kiềm tẩy rửa dụng cụ y tế. Sử dụng được trong bồn ngâm, máy rửa khử khuẩn và máy rửa sóng siêu âm - Thành phần: < 5% chất hoạt động bề mặt không ion và anion, có chứa Enzymes. pH dung dịch: ≥ 10 . Độ nhớt: < 10 mPas.
97	Dung dịch làm sạch dụng cụ y tế	Chai 1 lit	Lít	100	Dung dịch làm sạch dụng cụ y tế. Thành phần: Protease subtilisin: $\geq 6\%$ w/w, Lipase $\leq 0,2\%$ (w/w), Amylase $\leq 0,15\%$ (w/w), chất hoạt động bề mặt non-ionic, chất chống ăn mòn, chất chỉnh pH.

TT	Tên hàng hoá	Quy cách đóng gói (hoặc trưng đương)	ĐVT	Số lượng	Đặc tính, thông số kỹ thuật
98	Dung dịch sát khuẩn dụng cụ	Chai 1 lít	Lít	245	Dung dịch tẩy rửa có hoạt tính enzyme làm sạch dụng cụ trước khi đưa đi khử khuẩn hoặc tiệt khuẩn. Thành phần: Hoạt chất enzyme Protease + chất tẩy rửa.
99	Dung dịch pha sẵn khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế	Can 5 lít	Lít	1.700	Dung dịch pha sẵn khử khuẩn mức độ cao dụng cụ ngoại khoa, dụng cụ nội soi và dụng cụ không chịu nhiệt. Thành phần: Hoạt chất khử khuẩn Ortho-Phthalaldehyde 0,55% w/w. Có tặng kèm test kiểm soát chất lượng hàng ngày.
100	Dung dịch tiệt trùng lạnh cho thiết bị y tế	Can 5 lít	Lít	100	Dung dịch khử trùng và tiệt trùng cao. Thành phần: Dung dịch hoạt hóa (A+B); hoạt chất: axit peracetic; Phân tử ISAZONE; chất trung tính và nước tinh khiết vừa đủ. Quy cách đóng gói: Hai chai (Dung dịch A 200ml và Dung dịch B 4800ml).
101	Dung dịch ngâm dụng cụ Steranios 2%	Can 5 lít	Lít	2.400	Thành phần: Glutaraldehyde 2% + pH 6, là dung dịch pha sẵn không cần hoạt hóa. Khử khuẩn mức độ cao: 10 phút. Tái sử dụng trong 30 ngày (tặng kèm test thử) Hiệu quả diệt khuẩn: - Diệt khuẩn EN 14561 - Diệt nấm EN 14562 - Diệt vi khuẩn lao EN 14563 - Diệt bào tử trong 120 phút theo EN 17126 - Diệt virus EN 17111
102	Dung dịch bôi trơn dụng cụ y tế	Can 3,78 lít	Lít	23	Dung dịch bôi trơn và chống ăn mòn dụng cụ y tế, không dị ứng. Thành phần: Petroleum hydrocarbons 5 g. đạt chứng chỉ ISO 13485
103	Dung dịch tan gỉ 1	Bộ 2 chai	Chai	90	Xử lý oxi hóa và gỉ sét trên dụng cụ inox, không ăn mòn dụng cụ (Thành phần: Glycolic Acid 8%). Chai dạng xịt, đạt chứng chỉ ISO 13485
104	Dung dịch tan gỉ 2	Bộ 2 chai	Chai	30	Xử lý màng bám biofilm trên dụng cụ inox, không ăn mòn dụng cụ (Thành phần: Triethanolamine 8%). Chai dạng xịt, đạt chứng chỉ ISO 13485
105	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ	Can 5 lít	Lít	70	Hỗn hợp 5 enzyme: 1%-3% protease, 0.1%-0.5% lipase, 0.1%-0.5% amylase, 0.1%-0.5% mannanase, 0.1%-0.5% cellulase. Dùng được cho máy rửa tự động và ngâm rửa thủ công Nồng độ sử dụng: từ 0.1% (máy rửa) pH: 6.89-7.29 Thời gian: từ 5 phút Xuất xứ G7 Sử dụng cho máy rửa dụng cụ steris tương thích với dòng máy đang sử dụng tại Bệnh viện MODEL: FH95-XXXX



TT	Tên hàng hoá	Quy cách đóng gói (hoặc trưng đưng)	ĐVT	Số lượng	Đặc tính, thông số kỹ thuật
106	VALSURE ENZYMATI CLEANER	Can 3,78l lít	Lít	100	Sử dụng cho máy rửa dụng cụ steris tương thích với dòng máy đang sử dụng tại Bệnh viện MODEL: FH95-XXXX
107	Hinge Free Instrument Lubricant	Can 10 lít	Lít	170	Chất bôi trơn dụng cụ Hinge-Free là chất bôi trơn dụng cụ y tế không chứa silicone dành cho dụng cụ kim loại. Sử dụng thường xuyên Hinge-Free sẽ giúp dụng cụ phẫu thuật hoạt động trơn tru và dễ dàng. Sử dụng cho máy rửa dụng cụ steris (tương thích với dòng máy đang sử dụng tại Bệnh viện MODEL: FH95-XXXX).
108	Vôi soda	Lọ 500g	Kg	300	Dùng để hấp phụ khí CO2 trong máy gây mê. Không chứa KOH. Khả năng hấp thụ CO2 $\geq 130L/kg$. Hoạt tính CO2 $\geq 26\%$. Hạt từ trắng chuyển sang tím khi đạt cân bằng. Dạng rắn, kích thước hạt 4x2mm ($\pm 5\%$), độ cứng $\geq 97\%$, độ ẩm 12-18%.

(Handwritten signature)



PHỤ LỤC 02

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 1036 /BVNTTW ngày 22 tháng 7 năm 2025)

MẪU BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Nội tiết Trung ương

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Nội tiết Trung ương, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các.... hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa/dịch vụ

STT	Danh mục hàng hóa ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾ (Nếu có)	Mã HS ⁽⁴⁾ (Nếu có)	Năm sản xuất ⁽⁵⁾ (Nếu có)	Hạn sử dụng từ ngày sản xuất (Tháng)	Xuất xứ ⁽⁶⁾ (Nếu có)	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Thông số kỹ thuật ⁽⁸⁾	Đơn giá ⁽⁹⁾ (VND) Đã bao gồm VAT	Thành tiền ⁽¹⁰⁾ (VND)
1												
2												
n	...											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của danh mục báo giá)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ...

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các danh mục nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹¹⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại hàng hóa theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Hàng hóa” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của hàng hóa (nếu có) tương ứng với chủng loại hàng hóa ghi tại cột “Danh mục hàng hóa”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng hàng hóa (nếu có).
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của hàng hóa (nếu có).
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng hàng hóa.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng hàng hóa. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hóa (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (11) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.